

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
tranh chấp về cấp dưỡng cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tấn Bình;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi, tranh chấp về cấp dưỡng cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm 1995; nơi thường trú: số nhà 156, tổ 6, ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1990; nơi thường trú: số nhà 156, tổ 6, ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm P và anh Lê Nguyễn Hoàng B chung sống năm 2015, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26 tháng 02 năm 2015. Hôn nhân tự nguyện.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị P yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị P và anh B có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015. Cháu M hiện đang sống chung với chị P tại ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khi ly hôn chị P yêu cầu nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh B không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Lê Nguyễn Hoàng B trình bày: anh B thống nhất như lời trình bày của chị P về mối quan hệ hôn nhân, về con chung.

Về tài sản chung: có 01 chiếc xe Exciter biển số 68E-346.68, do anh B đứng tên, hiện nay anh B đang quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng S số tiền 240.000.000 đồng, trả trong vòng 48 tháng, trả góp hàng tháng, mỗi tháng anh B trả cho Ngân hàng 8.100.000 đồng. Hiện nay, còn nợ bao nhiêu anh B không nhớ.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do chị P ghen tuông cho rằng anh B có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng anh B không có. Nay, chị P yêu cầu ly hôn, anh B không đồng ý, lý do còn thương vợ con.

Anh B là công nhân Công ty F ở khu công nghiệp T. Thu nhập 02 tháng lương gần nhất trung bình 13.000.000 đồng. Về việc cấp dưỡng cho con thì anh B khả năng cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công chức Tư pháp xã H, huyện B cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị Diễm P và anh Lê Nguyễn Hoàng B là vợ chồng, quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do anh chị không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày thêm như sau: anh B có mối quan hệ với nhiều phụ nữ khác, chị P đã nhiều lần khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn cho anh B cơ hội đoàn tụ, tuy

nhân anh B vẫn không thay đổi, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Bị đơn anh Lê Nguyễn Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến 98 của BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 196, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh B, quá trình sống chung có mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị P đã nhiều lần gửi đơn yêu cầu ly hôn và rút đơn đề hàn gắn nhưng anh B không thay đổi. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Lê Nguyễn Hoàng B có nơi cư trú tại ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Diễm P khởi kiện anh Lê Nguyễn Hoàng B, yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Lê Nguyễn Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị Nguyễn Thị Diễm P và anh Lê Nguyễn Hoàng B là hôn nhân hợp pháp. Chị P yêu cầu ly hôn anh B cho rằng anh B có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Chị P đã nhiều lần yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B về cùng nguyên nhân mâu thuẫn. Anh B không đồng ý ly hôn với lý do còn thương chị P nhưng anh B không có giải pháp cứu vãn mối quan hệ vợ chồng đã rạn nứt trong thời gian dài. Có cơ sở xác định chị P, anh B không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị P yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Có cơ sở xác định anh B vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị P yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm P và anh Lê Nguyễn Hoàng B có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015. Chị P yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, cháu M có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Anh B đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét, chị P có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh B không trực tiếp nuôi con có

nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm P và anh Lê Nguyễn Hoàng B không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm P, anh Lê Nguyễn Hoàng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm P đối với bị đơn anh Lê Nguyễn Hoàng B về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng cho con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diễm P và anh Lê Nguyễn Hoàng B.

Về nuôi con chung: giao cháu Lê Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Diễm P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Nguyễn Hoàng B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Việc cấp dưỡng cho con thực hiện từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm P và anh Lê Nguyễn Hoàng B không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Diễm P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009652 ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Anh Lê Nguyễn Hoàng B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết